

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M C
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày 08/4/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M C, TỈNH ĐIỆN BIÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Đình.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Nguyễn Văn Hiên.**

2. Ông: **Mùa A Minh.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Quàng Văn Long** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện M C tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 15/2025/HNGĐ-ST ngày 14/02/2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-DS ngày 03/4/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hạng Thị C - Sinh năm: 1998 – Có mặt.

Địa chỉ: Bản H L C B, xã H N, huyện M C, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Anh Giàng A D - Sinh năm: 1990 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Bản H L C B, xã H N, huyện M C, tỉnh Điện Biên.

- Người bảo vệ Quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lý A Chia – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 08/01/2025, bản tự khai và trong quá trình giải Quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Hạng Thị C trình bày:

* Về hôn nhân: Chị và anh Giàng A D sau quen biết và tìm hiểu và yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý anh chị tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương về Cng sống nhau từ năm 2011, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn với nhau theo Q định. Từ khi về Cng sống, anh chị chỉ Cng sống với nhau hạnh phúc được 2 năm đầu rồi sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D thường xuyên uống rượu chè về nhà chửi bới vợ con, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau đôi khi dẫn đến xô sát. Anh chị đã được hai bên gia đình hòa

giải nhiều lần nhưng anh D không sửa đổi tính cách sau đó giữa vợ chồng lại tiếp tục xảy ra cãi nhau, do không chịu đựng được nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ để chị ở từ cuối năm 2024, anh chị sống ly thân với nhau từ đó đến nay, hiện anh chị không quan tâm đến cuộc sống của nhau, nay chị thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh D, cuộc sống Cng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vậy chị đề nghị Tòa án giải Quyết ly hôn với anh Giàng A D.

*** Về con Cng:** Anh chị có hai con Cng cháu Giàng Thị Công N, sinh ngày 12/9/2012; Giàng A Q, sinh ngày 10/01/2014. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Giàng Thị Công N, còn cháu Giàng A Q giao cho D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành, có đủ khả năng lao động, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con cùng với chị và chị cũng không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con cùng với anh D. Tuy nhiên tại buổi hòa giải ngày 04/3/2025 anh chị đã thỏa thuận thống nhất được với nhau về người trực tiếp nuôi con và người cấp dưỡng nuôi con, nay chị vẫn giữ nguyên sự thỏa thuận đó, không có ý kiến bổ sung thêm.

Về tài sản: Anh chị chỉ có một số tài sản nhưng không có giá trị lớn, về phần tài sản Cng anh chị sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải Quyết.

Về nợ Cng: Anh chị không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải Quyết

*** Bị đơn** anh Giàng A D vắng mặt tuy nhiên tại bản tự khai ngày 24/02/2025 cũng như trong quá trình giải Quyết anh trình bày:

*** Về hôn nhân:** Anh và chị Hạng Thị C xây dựng gia đình về Cng sống với nhau từ năm 2011, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn với nhau. Kể từ ngày về Cng sống với nhau anh chị Cng sống hạnh phúc, trong cuộc sống giữa vợ chồng không thể tránh khỏi việc xảy ra cãi nhau, tháng 11/2024 chị C tự bỏ về nhà bố mẹ để chị ở, nay chị C đề nghị Tòa án giải Quyết ly hôn với anh là anh không nhất trí ly hôn, vì anh còn tình cảm vợ chồng với chị C, anh mong chị C rút lại yêu cầu khởi kiện quay về đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con Cng, nếu chị C cứ cương Quyết ly hôn với anh thì anh cũng nhất trí ly hôn với chị C.

*** Về con Cng:** Anh, chị có hai con Cng đó là cháu Giàng Thị Công N, sinh ngày 12/9/2012; Giàng A Q, sinh ngày 10/01/2014. Nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên, có đủ khả năng lao động, anh yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con cho cháu Giàng A Q mỗi tháng là 1.500.000 đồng.

Về tài sản: Anh chị chỉ có đồ dùng sinh hoạt hàng ngày không có giá trị lớn, nếu ly hôn anh sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải Quyết.

Về nợ Cng: Anh chị không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải Quyết.

*** Về nguyện vọng của các cháu** Giàng Thị Công N, sinh ngày 12/9/2012; Giàng A Q, sinh ngày 10/01/2014 nếu bố mẹ của các cháu ly hôn với nhau các cháu có nguyện vọng muốn được ở cùng với bố.

*** Tại đơn** xác nhận của chính Qên địa phương quá trình Cng sống của anh D và chị C tại bản H L C B, xã H N, huyện M C, tỉnh Điện Biên. Anh D và chị C về Cng sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn với

n nhau. Trong cuộc sống hàng ngày giữa vợ chồng không còn tìm được tiếng nói Cng, hiện anh chị sống ly thân với nhau. Anh D và chị C hiện đều có đủ sức khỏe để lao động sản xuất và đều đang làm ruộng, nương tại địa phương, thu nhập hàng tháng đủ ăn, cả hai anh chị đều có điều kiện nuôi con ngang nhau.

* Người bảo vệ Quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lý A Chia trình bày: Ông nhất trí với phần trình bày của nguyên đơn, không nhất trí với phần trình bày của bị đơn.

- Về hôn nhân: Trong cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng anh D và chị C đã không còn tìm được tiếng nói Cng, giữa vợ chồng không còn tôn trọng nhau, do không thể tiếp tục Cng sống với nhau được Na, chị C bỏ về nhà bố mẹ để chị ở, hiện anh chị sống ly thân với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Như vậy tình cảm vợ chồng giữa anh D và chị C không thể hàn gắn lại được, đời sống Cng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy đề nghị áp dụng Luật hôn nhân và gia đình và Thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Giàng A D và chị Hạng Thị C.

- Về con Cng: Anh chị có 02 con Cng, cháu Giàng Thị Công N, sinh ngày 12/9/2012; Giàng A Q, sinh ngày 10/01/2014. Xét nguyện vọng của các cháu và sự thỏa thuận thống nhất việc người trực tiếp nuôi con giữa anh D, chị C tại buổi hòa giải ngày 04/3/2025. Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của anh D, chị C trong việc người trực tiếp nuôi con, đề nghị giao các cháu cháu Giàng Thị Công N, sinh ngày 12/9/2012; Giàng A Q, sinh ngày 10/01/2014 cho anh D trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Chị C cấp dưỡng nuôi con cho cháu Giàng A Q là 1.500.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng hàng tháng.

* Về tài sản Cng: Anh D và chị C không có tài sản có giá trị lớn, chỉ có những tài sản phục vụ trong sinh hoạt hàng ngày, nên sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải Quyết.

* Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải Quyết.

- Về án phí: Chị Hạng Thị C là dân tộc thiểu số, sinh sống nơi có điều kiện kinh tế khó khăn, đề nghị căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị Quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Q định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và nuôi con khi ly hôn, nguyên đơn và bị đơn cùng trú tại bản H L C B, xã H N, huyện M C, tỉnh Điện Biên. Vậy, Tòa án nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên thụ lý giải Quyết là đúng thẩm Quyền theo Q định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Giàng A D có đơn đề nghị Tòa án xem xét, xét xử vắng mặt vì công việc gia đình không thể có mặt tại Tòa án để tham gia giải Quyết, xét xử vụ án (đề nghị của anh D được thể hiện tại đơn xin xét xử vắng mặt). Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đề nghị này của anh Giàng A D là có cơ sở cần được chấp nhận. Bị đơn chị Hạng Thị C có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Giàng A D theo Q định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy việc anh Giàng A D và chị Hạng Thị C về sống Cng với nhau như vợ chồng từ năm 2011, chỉ tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán và không đăng ký kết hôn là có thật. Đến thời điểm chị C có đơn khởi kiện xin ly hôn, mặc dù hai bên có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo Q định của pháp luật, nhưng hai bên vẫn không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo Q định của Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, việc hai bên Cng sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh Quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo Q định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị Hạng Thị C có đơn xin ly hôn, nên căn cứ vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn và tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hạng Thị C và anh Giàng A D.

[3]. Về con Cng: Anh chị có 02 con Cng, các cháu Giàng Thị Công N, sinh ngày 12/9/2012; Giàng A Q, sinh ngày 10/01/2014.

Xét nguyện vọng của các cháu Giàng Thị Công N; Giàng A Q, tại kết quả xác nhận của chính Quyền địa phương về điều kiện nuôi con và tại buổi hòa giải ngày 04/3/2025 anh chị thỏa thuận, thống nhất với nhau về người trực tiếp nuôi con phù hợp với nguyện vọng của các con đã đủ từ 7 tuổi trở lên. Cần ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị là giao các cháu Giàng Thị Công N, sinh ngày 12/9/2012; Giàng A Q, sinh ngày 10/01/2014 cho anh D trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Chị C cấp dưỡng nuôi cháu Giàng A Q mỗi tháng là 1.500.000 đồng/ tháng. Phương thức cấp dưỡng vào ngày 25 hàng tháng. Việc thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, người cấp dưỡng nuôi con và phương thức cấp dưỡng nuôi con của anh D và chị C là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, đúng Q định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Chị Hạng Thị C được Quyền đi lại thăm nom con Cng, không ai được Quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

[4]. Về tài sản Cng: Chị Hạng Thị C và anh Giàng A D đều khai, không có tài sản có giá trị lớn, anh chị sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải Quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải Quyết.

[5] Về nợ: Anh D, chị C đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải Quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải Quyết.

[6] Những đề nghị của người bảo vệ Qền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ cần được chấp nhận.

[8] Về án phí: Theo Q định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 thì chị Hạng Thị C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên chị Hạng Thị C là dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị C xin miễn án phí nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị Quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị C là phù hợp.

Vì các lẽ trên:

QUẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, các Điều 58, 69, 70, 71, 81, 82, 83; 84; 116; 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

* Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hạng Thị C và anh Giàng A D.

2. *Về con Cng:* Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Hồ Thị C và anh Giàng A D như sau:

Giao các cháu Giàng Thị Công N, sinh ngày 12/9/2012; Giàng A Q, sinh ngày 10/01/2014 cho anh Giàng A D trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Chị C cấp dưỡng nuôi cháu Giàng A Q là 1.500.000 đồng/ tháng, kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025. Phương thức cấp dưỡng vào ngày 25 hàng tháng, cho đến khi cháu Giàng A Q đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động.

Chị Hạng Thị C được Qền đi lại thăm nom con Cng, không ai được Qền cản trở. Qền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án khoản tiền trên thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi số tiền chậm trả theo lãi suất theo Q định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có Qền thỏa thuận thi hành án, Qền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Q định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Q định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. *Về tài sản Cng và nợ:* Không xem xét giải Quyết.

4. *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và miễn toàn bộ án phí cấp dưỡng nuôi con cho chị Hạng Thị C.

* Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn chị Hạng Thị C có mặt tại phiên tòa được Qên kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/4/2025). Bị đơn anh Giàng A D vắng mặt tại phiên tòa được Qên kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện MC;
- Chi cục THADS huyện MC;
- Người bảo vệ Qên, lợi ích hợp pháp;
- TA tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Đình